

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/DS-ST

Ngày 20 – 4 – 2023

V/v tranh chấp HĐ dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha

2. Bà Đoàn Thị Bảy

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2023/TLST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc X, sinh năm 1958; Địa chỉ: số 180, ấp 1, xã Tắc V, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị Ngọc B, sinh năm 1983; Địa chỉ: số 11, Khu liên kế 28, đường Trần Quang D, khóm 6, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 12/3/2020, bà Lê Ngọc X (nguyên đơn) và chị Dương Thị Ngọc B (bị đơn) ký văn bản thỏa thuận về việc chị B hỗ trợ thủ tục pháp lý cho bà X trong vụ án tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất với ông Lê Hoàng K với mức thù lao là 200.000.000 đồng và chị B đã tạm ứng trước số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 28/5/2020, chị B cho rằng hồ sơ khó nên tiếp tục tạm ứng của bà X số tiền là 50.000.000 đồng.

Đến ngày 16/8/2020, hai bên thỏa thuận thống nhất ký kết phụ lục văn bản thỏa thuận bổ sung văn bản thỏa thuận ngày 12/3/2020 nâng mức thù lao lên là 320.000.000 đồng và chị B tiếp tục tạm ứng của bà X số tiền 70.000.000 đồng.

Cả hai văn bản nêu trên, các đương sự tự nguyện ký kết với nhau, không được công chứng chứng thực, không có chính quyền địa phương xác nhận. Tổng số tiền chị B đã nhận của bà X là 140.000.000 đồng và tại phụ lục văn bản thỏa thuận, chị B đã thỏa thuận: “*Nếu phiên phúc thẩm Tòa án tỉnh Cà Mau bác đơn kháng cáo, chị B hoàn trả lại số tiền đã nhận của bà X là 140.000.000 đồng, bà X hỗ trợ cho chị B số tiền 5.000.000 đồng. Tổng số tiền chị B phải trả cho bà X là 135.000.000 đồng, thời gian hoàn trả là 30 ngày; Nếu trước phiên tòa phúc thẩm Tòa án tỉnh Cà Mau, bà B tự nguyện rút đơn không tham gia phiên tòa phúc thẩm, chị B sẽ hoàn trả lại cho bà X số tiền đã nhận là 140.000.000 đồng, bà X sẽ hỗ trợ cho chị B số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền chị B phải trả cho bà X là 120.000.000 đồng, thời gian hoàn trả là 30 ngày.*”

Tuy nhiên, vụ việc tranh chấp đất đai của bà X đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nhưng chị B không thực hiện đúng cam kết nêu trên. Sau đó, chị B tiếp tục yêu cầu bà X đề hỗ trợ thủ tục pháp lý qua Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và thỏa thuận đến ngày 26/4/2022, nếu không có văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết việc khiếu nại tranh chấp đất thì sẽ thanh lý hợp đồng đã ký với bà X, việc thỏa thuận này chị B có viết giấy thỏa thuận đề ngày 27/3/2022.

Hết thời hạn thỏa thuận, vẫn không có kết quả giải quyết của Ủy ban nên bà X đòi tiền lại. Đến ngày 06/7/2022, hai bên ký giấy thỏa thuận chị B đồng ý thanh lý hợp đồng và hoàn trả cho bà X số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 15/7/2022. Tuy nhiên, đến thời hạn cam kết chị B không thực hiện nên bà X khởi kiện. Tại phiên tòa, bà X yêu cầu chị B có nghĩa vụ trả một lần cho bà số tiền 120.000.000 đồng và tính lãi chậm trả từ ngày 16/7/2022 theo quy định là 10%/năm với số tiền 6.000.000 đồng. Mặc dù, đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền lãi nhiều hơn nhưng bà X chỉ yêu cầu tính số tiền lãi nêu trên.

Tại văn bản trình bày ngày 19/4/2023, chị B thừa nhận có ký văn bản thỏa thuận, phụ lục văn bản thỏa thuận vào thời gian nêu trên và có nhận của bà X số tiền 140.000.000 đồng nhưng do bà X đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm chi phí bằng số tiền tạm ứng còn biên nhận thỏa thuận thanh lý hợp đồng là giả cách vì mục đích để chị với bà X ký lại cụ thể hợp đồng dịch vụ yêu cầu giải quyết lại Quyết định 2054/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh Cà Mau. Do đó, chị B không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, chị Dương Thị Ngọc B (bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án với bà Lê Ngọc X (nguyên đơn) nhưng bị đơn đã gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

[2] Các đương sự ký kết văn bản thỏa thuận về việc thực hiện hỗ trợ thủ tục pháp lý vào ngày 12/3/2020 và phụ lục văn bản thỏa thuận bổ sung ngày 16/8/2020, tuy không được công chứng chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nhưng việc các đương sự thỏa thuận trên tinh thần tự nguyện, không bị lừa dối hay bị ép buộc và tại thời điểm ký kết các văn bản nêu trên cho đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử, các đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đều đó thể hiện ở việc các đương sự không ai phản đối việc ký các văn bản thỏa thuận trên và không đương sự nào cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh một trong các đương sự bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Hơn nữa, hình thức của văn bản thỏa thuận chỉ khác nhau về tên gọi còn nội dung thể hiện đầy đủ thông tin của một hợp đồng. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ, cụ thể là nghĩa vụ trả tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng nên được xem xét làm cơ sở để thanh lý hợp đồng.

[3] Mặc dù, bị đơn trình bày việc ký biên nhận thỏa thuận thanh lý hợp đồng là giả cách nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh trong khi ngày 27/3/2022, bị đơn viết giấy thỏa thuận với nội dung cam kết *“đến ngày 26/4/2022, nếu không có văn bản Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai trên (Tô Thị Út – Lê Văn Xê) chúng tôi thanh lý hợp đồng theo nội dung hợp đồng đã ký”*. Sau đó, bị đơn cùng nguyên đơn ký biên nhận thỏa thuận vào ngày 06/7/2022 với nội dung thanh lý hợp đồng và bị đơn thỏa thuận sẽ trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 15/7/2022 nên việc bị đơn cho rằng nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng là không có cơ sở chấp nhận. Cũng từ giấy thỏa thuận và biên nhận thỏa thuận nêu trên chứng minh bị đơn hiện chưa thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với việc tính lãi, căn cứ vào biên nhận ngày 06/7/2022 bị đơn cam kết trả lại số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 15/7/2022 nhưng đến nay, bị đơn vẫn chưa trả nên ngày 16/7/2022 được xác định là ngày bị đơn vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự nên chấp nhận. Về thời gian tính lãi tuy đến ngày xét xử sơ thẩm đã hơn 09 tháng và số tiền lãi nhiều hơn so với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính số tiền lãi là 6.000.000 đồng – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên chấp nhận.

[5] Đối với việc bị đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ tại Ban Tiếp công dân tỉnh Cà Mau, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự là người có nghĩa vụ đưa ra các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu cũng như lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp, việc bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình nên bị đơn

phải tự gánh chịu hậu quả pháp lý của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh bởi trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do và đến ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ hai bị đơn gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ, xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng minh được việc đã yêu cầu Cơ quan tiếp dân cung cấp chứng cứ nhưng Cơ quan tiếp dân không cung cấp hoặc lý do mình không tự thu thập được chứng cứ nên đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[6] Về thời gian thanh toán, bị đơn xin vắng mặt còn nguyên đơn yêu cầu trả một lần xong số tiền nêu trên. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí, do nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không phải hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 275, 280, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 12, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Ngọc X.

Buộc chị Dương Thị Ngọc B có trách nhiệm trả cho bà Lê Ngọc X tổng các khoản với số tiền là 126.000.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bà Lê Ngọc X có đơn yêu cầu thi hành án, chị Dương Thị Ngọc B không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chị Dương Thị Ngọc B phải chịu số tiền 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng - Chưa nộp).

Bà Lê Ngọc X không phải chịu. Ngày 21/02/2023, bà X đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại.

Bà X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân